

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản vào ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường vào ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật. Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thu nhập khác

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản thu nhập khác, phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ của Tài khoản 711 - "Thu nhập khác" đối ứng với bên Có của Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trong kỳ báo cáo

Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ), bất động sản đầu tư (BĐSDT), thì số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT cao hơn giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý

Khi đơn vị cấp trên lập báo cáo tổng hợp với các đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân, các khoản thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch nội bộ đều phải loại trừ

3.19 Chi phí khác

Chỉ tiêu này phản ánh tổng các khoản chi phí khác, phát sinh trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của Tài khoản 811 - "Chi phí khác" đối ứng với bên Nợ của Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trong kỳ báo cáo

Riêng đối với giao dịch thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (TSCĐ), bất động sản đầu tư (BĐSDT), thì số liệu để ghi vào chi tiêu này là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ, BĐSĐT và chi phí thanh lý

Khi đơn vị cấp trên lập báo cáo tổng hợp với các đơn vị cấp dưới không có tư cách pháp nhân, các khoản thu nhập khác phát sinh từ các giao dịch nội bộ đều phải loại trừ

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
4. TIỀN		
Tiền mặt	31,993,536,229	28,848,762,667
Tiền gửi ngân hàng	46,794,629,321	116,280,356,528
TỔNG CỘNG	78,788,165,550	145,129,119,195
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG		
Khách hàng dùng thẻ taxi	73,968,280,913	72,201,103,149
Khách hàng taxi vắng lái	1,256,598,350	12,620,541,985
Khách hàng khác trong nước	14,223,827,413	12,617,710,318
TỔNG CỘNG	89,448,706,676	97,439,355,452
Dự phòng khoản phải thu khách hàng	(1,031,950,156)	(1,025,635,606)
GIÁ TRỊ THUẦN	88,416,756,520	96,413,719,846

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi đầu kỳ	1,031,950,156	1,036,321,929
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ		1,636,937
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ		
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi cuối kỳ	1,031,950,156	1,037,958,866
	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		
Trả trước cho mua sắm phương tiện vận tải	-	-
Khác	1,878,905,433	1,857,867,550
TỔNG CỘNG	1,878,905,433	1,857,867,550

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC		
Ngắn hạn	20,099,749,042	19,441,808,799
<i>Tạm ứng cho nhân viên</i>	<i>6,692,621,150</i>	<i>6,238,105,139</i>
<i>Thuế TNCN bổ sung</i>	<i>4,413,712,582</i>	<i>6,470,155,912</i>
<i>Phải thu vé máy bay</i>	<i>2,559,225,891</i>	<i>3,422,496,213</i>
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	<i>2,487,603,700</i>	<i>1,713,601,200</i>
<i>BHYT, BHXH của tài xế và nhân viên</i>	<i>1,478,605,051</i>	<i>340,518,688</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>2,467,980,668</i>	<i>1,256,931,647</i>
Dài hạn	1,483,900,000	1,109,900,000
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	<i>1,483,900,000</i>	<i>1,109,900,000</i>
TỔNG CỘNG	21,583,649,042	20,551,708,799
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1,934,158,251)	(1,934,158,251)
TỔNG CỘNG	19,649,490,791	18,617,550,548
Trong đó:		
- Phải thu ngắn hạn khác	19,649,490,791	18,617,550,548
- Phải thu ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	-

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
8. HÀNG TỒN KHO		
Công cụ, dụng cụ	12,415,409,554	10,545,904,225
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	12,415,409,554	10,545,904,225

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6,161,571,812	905,536,269	3,923,418,954,451	3,930,486,062,532
Mua mới		153,835,000	89,632,793,402	89,786,628,402
Thanh lý, nhượng bán			(219,445,255,501)	(219,445,255,501)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	6,161,571,812	1,059,371,269	3,793,606,492,352	3,800,827,435,433
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	599,826,164	579,969,469	12,464,113,648	13,643,909,281
Giá trị hao mòn lũy kế				

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2,548,037,350	727,128,326	1,500,591,324,751	1,503,866,490,427
Khấu hao trong kỳ	926,957,598	60,806,228	237,325,087,367	238,312,851,193
Thanh lý, nhượng bán			(196,984,003,697)	(196,984,003,697)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	3,474,994,948	787,934,554	1,540,932,408,421	1,545,195,337,923
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	3,613,534,462	178,407,943	2,422,827,629,700	2,426,619,572,105
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	2,686,576,864	271,436,715	2,252,674,083,931	2,255,632,097,510
Tài sản sử dụng để thế chấp các khoản vay	-	-	1,715,548,035,379	1,715,548,035,379
Tài sản sử dụng để bảo lãnh thanh toán (Thuyết minh số 21)				-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	297,078,181,752	297,078,181,752
Thuê mới		-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	297,078,181,752	297,078,181,752
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	76,117,757,802	76,117,757,802
Khấu hao trong kỳ	18,567,386,916	18,567,386,916
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	94,685,144,718	94,685,144,718
Giá trị còn lại		
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	220,960,423,950	220,960,423,950
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	202,393,037,034	202,393,037,034

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			1,431,221,000	1,431,221,000
Mua trong kỳ			85,000,000	85,000,000
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	-	-	1,516,221,000	1,516,221,000
Trong đó:				
Đã khấu hao hết			1,218,289,000	1,218,289,000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			1,264,857,256	1,264,857,256
Hao mòn trong kỳ			50,905,325	50,905,325
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	-	-	1,315,762,581	1,315,762,581

Giá trị còn lại

Vào ngày 31 tháng

12 năm 2016

-

-

166,363,744

166,363,744

Vào ngày 30 tháng

06 năm 2017

-

-

200,458,419

200,458,419

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Phương tiện vận tải

Ngày 30 tháng 06
năm 2017Ngày 01 tháng 01 năm
2017

5,404,938,000

23,993,629,074

TỔNG CỘNG**5,404,938,000****23,993,629,074****13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đầu tư vào công ty con

GIÁ TRỊ THUẦNNgày 30 tháng 06
năm 2017Ngày 01 tháng 01 năm
2017

36,000,000,000

36,000,000,000

36,000,000,000**36,000,000,000**

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Ngày 01 tháng 01 năm 2017

Giá trị đầu tư

% sở hữu

Giá trị đầu tư

% sở hữu

Công ty cổ phần Ánh

Dương Xanh Việt

36,000,000,000

90%

36,000,000,000

90%

Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam (“ADX”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010, và các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của ADX là kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**Ngắn hạn**Ngày 30 tháng 06
năm 2017Ngày 01 tháng 01 năm
2017

24,351,198,857

22,562,229,048

Bảo hiểm vật chất xe

15,333,224,081

14,505,485,137

Phí bảo trì đường bộ

3,206,066,264

4,423,070,000

Công cụ - dụng cụ đang dùng

657,733,725

988,244,037

Khác

5,154,174,787

2,645,429,874

Dài hạn

72,417,413,655

78,577,289,066

Phí bảo trì đường bộ

16,422,000

58,041,000

Chi phí thuê văn phòng tại 648 Nguyễn Trãi

53,110,963,348

53,766,654,256

Chi phí nâng cấp cải tạo văn phòng

1,985,161,928

2,137,474,007

Công cụ - dụng cụ đang dùng

16,503,986,034

21,431,965,462

Khác			800,880,345	1,183,154,341
TỔNG CỘNG			96,768,612,512	101,139,518,114
16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN				
Phải trả người bán				
- Trả trước để mua phương tiện vận tải			500,000,000	-
- Khác hàng khác			626,066,794	400,653,431
TỔNG CỘNG			1,126,066,794	400,653,431
17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Ngày 30 tháng 06 năm 2017
Thuế thu nhập DN (Thuyết minh số 31.2)	22,632,181,395	22,600,471,602	(35,341,325,253)	9,891,327,744
Thuế giá trị gia tăng	23,668,344,696	131,399,879,224	(139,285,002,544)	15,783,221,376
Thuế thu nhập cá nhân	9,344,471,891	2,748,713,392	(10,548,417,361)	1,544,767,922
Các loại thuế khác	0	9,900,000	(9,900,000)	-
TỔNG CỘNG	55,644,997,982	156,758,964,218	(185,184,645,158)	27,219,317,042
18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN				
Tạm trích lương tháng 13			10,800,000,000	-
Khác			3,027,893,556	-
TỔNG CỘNG			13,827,893,556	-
19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC				
Tiền lãi vay phải trả			3,734,337,343	4,475,360,765
Bảo hiểm vật chất nhân sự			106,890,928	948,347,661
Phí hoạt động của HĐQT & BKS + Quỹ khen thưởng vượt kế hoạch			2,009,472,165	10,600,606,596
Cổ tức phải trả			475,599,000	69,187,410,000
Khác			10,633,043,303	6,223,211,425
TỔNG CỘNG			16,959,342,739	91,434,936,447
Trong đó:				
- Phải trả cho bên thứ ba			9,765,150,175	87,412,249,283
- Phải trả cho bên liên quan			7,194,192,564	4,022,687,164

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC		
Nhận ký quỹ từ tài xế taxi	111,300,344,876	117,453,339,604
Nhận ký quỹ khách hàng	46,435,238,861	43,600,373,471
Nhận ký quỹ tiền cho thuê mặt bằng	1,500,000,000	1,500,000,000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	8,886,948,066	11,592,857,009
TỔNG CỘNG	168,122,531,803	174,146,570,084

	Ngày 30 tháng 06 năm 2017	Ngày 01 tháng 01 năm 2017
21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
Vay dài hạn từ các ngân hàng (i)	848,382,437,090	1,012,871,703,591
Thuê tài chính	84,631,220,258	113,284,309,610
TỔNG CỘNG	933,013,657,348	1,126,156,013,201
Trong đó:		
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	428,816,053,951	469,386,755,066
+ Vay từ ngân hàng	382,918,980,931	412,563,030,483
+ Nợ thuê tài chính	45,897,073,020	56,823,724,583
Nợ dài hạn	504,197,603,397	656,769,258,135

Tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

	Ngày 01 tháng 01 năm 2017	Tăng trong kỳ	Đã trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2017
Vay ngân hàng	1,012,871,703,591	52,209,100,000	(216,698,366,501)	848,382,437,090
Nợ thuê tài chính	113,284,309,610		(28,653,089,352)	84,631,220,258
TỔNG CỘNG	1,126,156,013,201	52,209,100,000	(245,351,455,853)	933,013,657,348